

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 01- 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc.

Ông Phạm Xuân Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thái Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Mai Thị Ngọc D, sinh năm 1998; nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; nơi ở: A1, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đã được UBND xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18- 01- 2017 nhưng khi kết hôn không có sự tìm hiểu rõ về nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ

chồng là do lối sống không hợp nhau nên không có sự gắn bó, hay xảy ra cãi vã. Nay vợ chồng đã sống ly thân, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hoàng Ph, sinh ngày 02-9-2017 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi con và chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2022.

Về tài sản: Chị không đề nghị giải quyết.

Tại Bản tự khai anh Phạm Văn D trình bày: Anh thừa nhận việc kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như về con chung như chị D trình bày. Nay anh thuận tình ly hôn, nhất trí để chị D trực tiếp nuôi con chung Phạm Hoàng Ph và anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2022.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã B, huyện C; Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, nuôi con chung như đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phạm Hoàng Ph, sinh ngày 02-9-2017 cho chị Mai Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; anh D có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung cho 2.000.000đ/tháng cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc D và bị đơn anh Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị D và anh D không có hạnh phúc, không có sự hòa hợp và đã sống ly thân, anh D không đến Tòa án để làm việc, không tham gia hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Mai Thị Ngọc D xin ly hôn, anh Phạm Văn D nhất trí nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh D.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Hoàng Ph, sinh ngày 02-9-2017 hiện đang ở với chị D. Căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự, điều kiện nuôi con và quy định

tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung là Phạm Hoàng Ph cho chị Mai Thị Ngọc D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con nên có nghĩa vụ nộp 50% án phí theo quy định pháp luật. Chị D nhận nộp toàn bộ án phí nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ngọc D và anh Phạm Văn D.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận sự thỏa thuận của chị Mai Thị Diệp và anh Phạm Văn D: Giao cho chị Mai Thị Ngọc D tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Hoàng Ph, sinh ngày 02- 9- 2017. Anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Mai Thị Ngọc D với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2022. Anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Mai Thị Ngọc D cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, anh Phạm Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị Mai Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000084 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Mai Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên